

QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM Ở TỈNH PHÚ YÊN

ĐOÀN THỊ NHỆ^(*)

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích thực trạng và giải pháp thực hiện phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên sau 30 năm đổi mới. Phát triển kinh tế theo hướng hiện đại đã góp phần giải quyết việc làm, đảm bảo sinh kế cho người lao động ở tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Dựa trên phân tích những thành tựu và hạn chế, bài viết đã đưa ra những giải pháp mang tính định hướng để thực hiện tốt giữa phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên trong thời gian tới.

Từ khóa: Phát triển kinh tế; chính sách giải quyết việc làm; Phú Yên.

Abstract: This article analyzed the relationship between economic development and employment policy in Phu Yen province after 30 years of renovation. Economic development towards modernity has contributed to job creation and livelihood ensurance for workers in Phu Yen province. However, besides these achievements, there still exist many limitations. Based on the analysis of the achievements and limitations, the research suggested better solutions to strengthen the connection between economic growth and employment policy in Phu Yen province in the future.

Keywords: Economic development, employment policy, Phu Yen province.

Ngày nhận bài: 29/03/2019; Ngày sửa bài: 04/04/2019; Ngày duyệt đăng bài: 27/6/2019.

Mở đầu

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về phát triển kinh tế. Song có thể hiểu, phát triển kinh tế là khả năng duy trì quy mô, tốc độ nhanh về năng suất, chất lượng và hiệu quả gắn với thực hiện tiến bộ xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống của nhân dân. Với ý nghĩa này thì phát triển kinh tế mang nội hàm rộng hơn tăng trưởng kinh tế, bản chất của tăng trưởng kinh tế nặng về số lượng, còn phát triển kinh tế không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà còn là sự biến đổi ngày càng tốt hơn trong các vấn đề xã hội như giải quyết việc làm, xoá bỏ đói nghèo, bất bình đẳng bảo đảm an sinh xã hội cho nhân dân trong quá trình phát triển.

Chính sách giải quyết việc làm là sự cụ thể hóa chủ trương, đường lối và quan điểm của Đảng và Nhà nước nhằm tạo việc làm, đảm bảo an toàn việc làm và có nhu cầu việc làm để phát triển xã hội. Chính sách việc làm có liên quan trực tiếp đến mọi mặt của đời sống, là yếu tố đảm bảo để con người phát triển, phát huy khả năng của mình. Trong quá trình hội nhập, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng vai trò của chính sách giải quyết việc làm, coi đây là một trong những chính sách đảm bảo an sinh xã hội quan trọng để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời đã được nâng lên tầm cao mới về phương diện lý luận và thực tiễn, đó là nội dung xuyên suốt trong

^(*) ThS., Trường Đại học Văn Hiến;
Email: doanthinhe@gmail.com

chiến lược phát kinh tế - xã hội của Việt Nam nhằm đảm bảo công bằng xã hội, phát triển bền vững.

Việt Nam nói chung và tỉnh Phú Yên nói riêng đang đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, do đó việc phát triển kinh tế phải gắn với chính sách giải quyết việc làm, đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế cũng như đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Giữa phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm trong quan điểm Mác-xít vì sự phát triển của con người, chủ thể của quá trình phát triển, trong đó phát triển kinh tế chính là điều kiện để thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho người lao động, đảm bảo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; thực hiện chính sách giải quyết việc làm là mục tiêu, động lực của phát triển kinh tế. Cụ thể như sau:

1. Sự tác động của phát triển kinh tế đối với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên

Tỉnh Phú Yên với số người trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên (năm 2017) là 537.730 người, chiếm 59,5%⁽¹⁾. Lực lượng lao động có xu hướng tăng đều qua các năm. So với năm 2005, lực lượng lao động năm 2017 đã tăng thêm 74.853 người. Với lực lượng lao động của tỉnh Phú Yên dồi dào, khá trẻ là điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu các thành tựu khoa học - công nghệ và linh hoạt trong việc chuyển đổi nghề nghiệp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Phú Yên đã khơi dậy mọi tiềm năng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại đã tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động, thể hiện:

Một là, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh

tế theo hướng hiện đại tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động. Thời gian qua, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Phú Yên theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp và thủy sản, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Năm 2005, tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 36,6% thì đến năm 2017 chỉ còn 24,33%. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng giảm từ 29,30% năm 2005 còn 28,9% năm 2017. Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 34,10% năm 2015 lên 42,89% năm 2017. Có thể đánh giá, về cơ bản “cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Chất lượng nền kinh tế cải thiện”⁽²⁾.

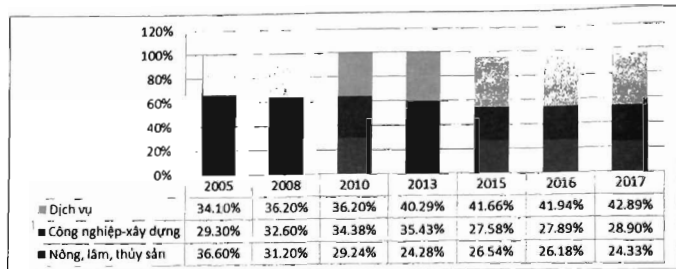
Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở tỉnh Phú Yên tất yếu cơ cấu lao động dịch chuyển từ ngành nông lâm nghiệp và thủy sản sang ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ. Cụ thể: ngành nông lâm nghiệp và thủy sản lực lượng lao động từ 78,1% năm 2010 giảm còn 64,9% năm 2015. Công nghiệp và xây dựng lực lượng lao động từ 8,7% năm 2010 tăng 13,4% năm 2015. Ngành dịch vụ lực lượng lao động từ 13,2% năm 2010 tăng 21,7% năm 2015⁽³⁾, góp phần tạo ra việc làm có năng suất, thu nhập của người lao động tăng qua các năm.

⁽¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2018), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2017*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.71.

⁽²⁾ Đảng bộ tỉnh Phú Yên (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVI*, Lưu hành nội bộ, tr.55.

⁽³⁾ Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2015), *Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, kèm theo Nghị quyết số 163/2015/NQ-HĐND.

Biểu đồ: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Phú Yên thể hiện trong GDP giai đoạn 2005 - 2017



Nguồn: Cục Thống kê Phú Yên năm 2017

Hai là, chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế cũng tác động đến chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên. Để phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, tỉnh Phú Yên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và sự bình đẳng trong phát triển giữa các thành phần kinh tế, từ đó tạo tiền đề thực hiện giải quyết việc làm cho người dân tỉnh Phú Yên. Đối với doanh nghiệp nhà nước, bên cạnh việc phát huy vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước ở những ngành có vị trí quan trọng như bưu chính viễn thông, sản xuất và phân phối điện nước, kinh doanh xăng dầu, tín dụng ngân hàng... đã có sự giảm dần tỷ trọng giá trị tổng sản phẩm khu vực kinh tế nhà nước trong tổng giá trị nền kinh tế (GRDP) và tăng nhanh tỷ trọng khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài. Sự chuyển dịch này phù hợp với xu thế chuyển đổi kinh tế từ kế hoạch hóa tập

trung sang nền kinh tế nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường của nền kinh tế Việt Nam. Năm 2005, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong tổng giá trị nền kinh tế (GRDP) chiếm 29,7%, đến năm 2010 giảm xuống còn 22,64% và giảm mạnh xuống còn 21,74% năm 2017. Tuy số lượng có giảm nhưng đóng góp cho ngân sách tăng lên (từ 3.117 tỷ đồng năm 2006 lên 7.065,8 tỷ đồng năm 2017⁽¹⁾). Điều này cho thấy, thành phần kinh tế nhà nước đã phát huy vai trò và “ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân”⁽²⁾. Cùng với quá trình giảm tỷ trọng trong GRDP, tất yếu lực lượng lao động trong thành phần kinh tế nhà nước cũng giảm. Năm 2005 khu vực nhà nước thu hút 8,0% (tương đương 37.814 người), tính đến năm 2017 khu vực nhà nước thu hút 7,52 % lực

⁽¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2018), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2017*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.89.

⁽²⁾ Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn Kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.74.

lượng lao động của Tỉnh (tương đương 40.456 người). Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước đóng góp tích cực vào tăng GRDP ở tỉnh Phú Yên và giải quyết một lượng lớn lao động, tạo nguồn thu nhập ổn định đảm bảo tiến bộ xã hội. Nếu năm 2005 khu vực kinh tế ngoài nhà nước đóng góp vào GDP

là 67,1 % giải quyết việc làm cho 433.254 người (chiếm 91,8%), thì đến năm 2016 tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có 1.684 doanh nghiệp năm 2016⁽⁶⁾, đóng góp 70.68 % cơ cấu GRDP, giải quyết việc làm cho 494.310 người lao động đang làm việc trên địa bàn (chiếm 91,93%).

Bảng: Cơ cấu số lao động với cơ cấu khu vực kinh tế ở Phú Yên giai đoạn 2005 - 2017

Năm	Cơ cấu tổng sản phẩm theo loại hình kinh tế (%)					Cơ cấu lao động phân theo loại hình doanh nghiệp (%)			
	Tổng	DN nhà nước	DN ngoài nhà nước	DN vốn đầu tư nước ngoài	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP	Tổng	DN nhà nước	DN ngoài nhà nước	DN vốn đầu tư nước ngoài
2005	100.0	29.7	67.1	3.2	-	100.0	8.0	91.8	0.2
2010	100.0	22.64	74.61	2.57	0.18	100.0	8.84	90.62	0.54
2013	100.0	21.53	71.51	3.80	3.16	100.0	7.55	91.98	0.46
2014	100.0	21.53	71.60	3.70	3.17	100.0	7.51	92.08	0.41
2015	100.0	21.30	70.77	3.71	4.22	100.0	7.78	91.78	0.44
2016	100.0	21.35	70.94	3.72	3.99	100.0	7.58	92.03	0.40
2017	100.0	21.74	70.68	3.70	3.88	100.0	7.52	91.93	0.55

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên năm 2005; 2009; 2017.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế với cơ cấu lao động đúng hướng và thực hiện giải quyết việc làm hiệu quả ở tỉnh Phú Yên đã góp phần thỏa mãn đời sống vật chất và tinh thần của người dân đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội. Nếu vào năm 2005, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành ở tỉnh Phú Yên chỉ có 376,3 nghìn đồng thì đến năm 2015, con số này đã tăng lên đến 2.013,8 nghìn đồng. Cùng với sự tăng lên của thu nhập bình quân thì chi tiêu bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng cũng tăng lên đáng kể qua các năm (năm 2005 là 343 nghìn đồng, năm 2010:

939 nghìn đồng, năm 2015: 2.212 nghìn đồng, năm 2017: 2.376 nghìn đồng). Đặc biệt, các khoản chi cho giáo dục, nhà ở, điện nước, vệ sinh, đi lại, bưu điện và y tế có nhiều sự gia tăng qua các năm, góp phần thỏa mãn đời sống vật chất và tinh thần của người dân đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội.

Đồng thời, chính quyền tỉnh Phú Yên còn chú trọng phát triển hệ thống thông tin nhu cầu nguồn nhân lực thông qua các

⁽⁶⁾ Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2018), Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2017, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.157.

sản giao dịch việc làm, ngày hội việc làm, hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, cung cấp một số kỹ năng mềm cho người lao động trong quá trình xin việc; huy động các nguồn lực xã hội tham gia dạy nghề theo hướng đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường sức lao động, tập trung vào các ngành nghề vốn là thế mạnh góp phần nâng cao nguồn nhân lực qua đào tạo; công tác dự báo nhu cầu lao động và phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động tại các đơn vị giới thiệu việc làm, cơ sở đào tạo, phường - xã, thị trấn và doanh nghiệp được chú trọng đáp ứng kịp thời nhu cầu tham gia vào thị trường lao động, góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân tỉnh Phú Yên. Năm 2018, tỉnh Phú Yên giải quyết việc làm mới cho 24.650 lao động, đạt 100,6% kế hoạch; trong đó xuất khẩu lao động 500 người, lao động làm việc trong tỉnh: 17.250 người, lao động làm việc ngoài tỉnh: 6.900 người; tỷ lệ thất nghiệp toàn tỉnh 2,4%. Quý quốc gia giải quyết việc làm đã cho vay 60 tỷ đồng, giải quyết việc làm mới 2.130 lao động, tập trung vào khu vực nông - lâm - thủy sản. Công tác đào tạo nghề tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 47% trong tổng số lao động đang hoạt động kinh tế thường xuyên⁽⁷⁾. Đầu năm 2019 (11-29/3/2019) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai kế hoạch số 13/KH-SLDTBXH-LĐVL về việc tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ việc làm và đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài năm 2019.

2. Sự tác động của chính sách giải quyết việc làm đến phát triển kinh tế ở tỉnh Phú Yên

Đến lượt nó, chính sách giải quyết việc

làm trở thành mục tiêu, động lực của phát triển kinh tế, thể hiện:

Một là, chính sách giải quyết việc làm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, yếu tố hàng đầu của lực lượng sản xuất. Việc triển khai chính sách giải quyết việc làm phù hợp với trình độ của phát triển kinh tế đã góp phần sản xuất và tái sản xuất nguồn nhân lực trên phương diện thể lực và trí lực, hai phương diện gắn liền với con người - thực thể sinh học - xã hội. Chính sách giải quyết việc làm tác động đến phát triển kinh tế góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được phản ánh thông qua nhiều phương diện, nhiều khía cạnh, song ở đó giáo dục - đào tạo đóng vai trò cung cấp cho xã hội nguồn lực lao động có tri thức, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, giàu tính nhân văn, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm... yếu tố quyết định sự thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy, nếu không có chính sách giáo dục - đào tạo đúng đắn thì không thể tạo ra nguồn nhân lực có trình độ khoa học - công nghệ và lòng nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm thì không thể đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định. Thậm chí nếu thiếu nguồn nhân lực chất lượng sẽ ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế, gây bất ổn xã hội. Vì lẽ đó, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Phú Yên nói riêng, Việt Nam nói chung luôn quán triệt quan điểm đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư cho sự phát triển không chỉ vì thế hệ hôm nay, mà còn vì thế hệ mai sau.

⁽⁷⁾ Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội quốc phòng - an ninh năm 2018 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2019*, Số:236/BC-UBND, tr.19.

Trong những năm qua, giáo dục - đào tạo ở tỉnh Phú Yên thể hiện nổi bật ở sự phát triển về quy mô, chất lượng, sự đa dạng các loại hình giáo dục và đào tạo không ngừng thay đổi về chất góp phần rất quan trọng trong việc nâng cao mặt bằng dân trí của nhân dân tạo ra sự phát triển nhân văn, công bằng và tiến bộ ở tỉnh Phú Yên, cụ thể: Tỷ lệ lực lượng lao động có trình độ trung học phổ thông tăng dần qua các năm (năm 2005 là 19,8%, năm 2010 là 32,8% và năm 2015 là 34,9%). Tỉnh Phú Yên luôn có những chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động liên kết hợp tác quốc tế để tiếp cận với giáo dục tiên tiến thế giới. Số lượng sinh viên theo học và tốt nghiệp cao đẳng đại học năm sau cao hơn năm trước, góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 23,5% (2005) lên 55% (2010) và 61,02% (2017), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 45,01% trong tổng số lao động đang hoạt động kinh tế thường xuyên, tăng 23,02%, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt 41%, tăng 19,1% so năm 2010⁽⁸⁾. Lao động với chất lượng cao đồng nghĩa với tạo việc làm bền vững, thu nhập ổn định, đảm bảo an sinh xã hội. Khi lợi ích từ kinh tế đến với mọi người dân, gồm cả nhóm người trước kia bị gạt ra ngoài lề xã hội, sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Hai là, chính sách giải quyết việc làm góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp. Việc làm tăng đồng nghĩa với tỷ lệ thất nghiệp giảm. Những chính sách hỗ trợ tích cực của Nhà nước, công tác giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên chuyển biến tích cực đã góp phần giảm thiểu được số lượng lao động thất nghiệp. Giai đoạn 2005-2010 đã giải quyết việc làm mới cho 126.370 lao

động, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 24.274 lao động⁽⁹⁾; giai đoạn 2010 - 2015 đã giải quyết việc làm cho 23.550 lao động, bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 10.000 lao động. Đồng thời, tỉnh Phú Yên còn chú trọng phát triển hệ thống thông tin nhu cầu nguồn nhân lực thông qua các sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm, hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, cung cấp một số kỹ năng mềm cho người lao động trong quá trình xin việc; huy động các nguồn lực xã hội tham gia dạy nghề theo hướng đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường sức lao động, tập trung vào các ngành nghề vốn là thế mạnh góp phần nâng cao nguồn nhân lực qua đào tạo; công tác dự báo nhu cầu lao động và phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động tại các đơn vị giới thiệu việc làm, cơ sở đào tạo, phường - xã, thị trấn và doanh nghiệp được chú trọng đáp ứng kịp thời nhu cầu tham gia vào thị trường lao động.

Nhìn chung, chính sách giải quyết việc làm tác động tích cực đến phát triển kinh tế ở tỉnh Phú Yên không chỉ góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị từ 5,5% (2005) xuống 4,83% (2010) và 3,0% năm (2017)⁽¹⁰⁾.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, tỉnh Phú Yên đã tích cực xây dựng

⁽⁸⁾ Số Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh Phú Yên (2017), Báo cáo Tổng kết kết quả thực hiện năm 2017 và nhiệm vụ, kế hoạch năm 2018 về công tác lao động, người có công và xã hội, Phú Yên: Lưu hành nội bộ, tr.4.

⁽⁹⁾ Đảng bộ tỉnh Phú Yên (2010), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XV, Lưu hành nội bộ, tr.23.

⁽¹⁰⁾ Cục thống kê tỉnh Phú Yên (2018), Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2017, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr.74.

các chương trình, kế hoạch, khơi dậy mọi tiềm năng, nguồn lực để giải quyết mối quan hệ phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm bền vững, góp phần thúc đẩy ổn định kinh tế - xã hội. Sở dĩ đạt được những thành tựu như vậy là do, tỉnh Phú Yên đã tích cực vận dụng những chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần phù hợp với xu thế khách quan của thời đại, từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, chủ động chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ chủ yếu phát triển dựa vào vốn đầu tư, sử dụng nhiều lao động sang phát triển các yếu tố năng suất tổng hợp, tiến bộ khoa học - công nghệ; cùng với chính sách hỗ trợ người lao động linh hoạt tham gia vào thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng góp phần cải thiện thu nhập, tạo môi trường thuận lợi cho con người phát triển toàn diện.

3. Một số thách thức trong phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên

Một là, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm so với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong một số ngành và vùng (trong đó lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 46,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 19,7%; khu vực dịch vụ chiếm 33,6%⁽¹¹⁾), cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế có chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm so với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lực lượng lao động hiện nay phân bổ không đều. Tình trạng lao động di tìm việc ngày càng tăng, nhất là lao động ở khu vực nông thôn thiếu việc làm và thiếu trình độ chuyên môn kỹ thuật phải di về thành thị kiếm việc làm

và chỉ làm được những việc đơn giản. Lao động trong ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, mặc dù đóng góp của khu vực nông nghiệp trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giảm xuống rất rõ. Đến năm 2014, lao động nông nghiệp chiếm 58,3%, đến năm 2015 vẫn còn chiếm 51,5% tổng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế⁽¹²⁾ chưa đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chất lượng việc làm mới được tạo ra còn thấp, vì việc làm chủ yếu được tạo thêm trong khu vực nông nghiệp với trang bị, công nghệ, kỹ thuật thấp; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh chưa đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nên chưa tổ chức được sàn giao dịch việc làm hàng tháng; kết nối cung - cầu lao động chỉ mới ở mức độ điểm giao dịch việc làm, nên tỷ lệ có việc làm mới thông qua các trung tâm dịch vụ việc làm còn thấp.

Hai là, công tác cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn nhiều bất cập. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế chưa đồng bộ. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng về số lượng nhưng với đại đa số quy mô vừa và nhỏ (khoảng 80%) có vốn dưới 1 tỷ đồng. Trừ một số doanh nghiệp vừa và lớn có công nghệ hiện đại, còn lại là công

⁽¹¹⁾ Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2018), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2017*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, tr. 525.

⁽¹²⁾ Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2015), *Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, kèm theo Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND.

nghe lạc hậu nên sức cạnh tranh yếu, năng suất và chất lượng hàng hóa không cao. Chính vì vậy, trong tình trạng suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa là loại mô hình dễ bị tổn thương nhất. Tình trạng các doanh nghiệp nhỏ và vừa phá sản ồ ạt sẽ không tránh khỏi tác động xấu đến kinh tế - xã hội ở tỉnh Phú Yên. Các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế chưa đồng bộ, sức cạnh tranh yếu, công nghệ lạc hậu dẫn đến năng suất và chất lượng hàng hóa không cao. Doanh nghiệp FDI chiếm tỷ lệ nhỏ chủ yếu là khai thác, gia công, lắp ráp. Một số doanh nghiệp chưa tuân thủ những quy định về pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phúc lợi cho người lao động.

Ba là, giáo dục và đào tạo đối với phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Phú Yên vẫn còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tuy có tăng cường nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục theo hướng đổi mới giáo dục và đào tạo; nhiều trường còn thiếu phòng học bộ môn, phòng thực hành, thiết bị thực hành còn thiếu nhiều và lạc hậu, còn thiếu nhà công vụ, nhà vệ sinh, phòng y tế. Mặc dù tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Phú Yên liên tục tăng (từ 14% năm 2005, tăng lên đạt 34,91% năm 2010 và 55,01% năm 2015) nhưng tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn quá lớn (năm 2015 còn 44,99% tỷ lệ lực lượng lao động chưa được qua đào tạo). Chính sách nhằm nâng chất lượng đào tạo nghề tại địa phương còn mang tính tự phát, chưa chú trọng đến các ngành nghề thu hút đầu tư, các ngành nghề có tính trụ cột trên địa bàn như du lịch, dịch vụ... Tình trạng số lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường rất

lớn, nhưng số sinh viên có việc làm sau khi ra trường lại rất ít.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: Tác động của kinh tế thị trường cùng với khủng hoảng kinh tế thế giới đã ảnh hưởng đến việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm cho người lao động. Tư duy về quản lý giáo dục và đào tạo còn ảnh hưởng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chưa thực hiện tốt chức năng quản lý, điều tiết thị trường lao động hiệu quả. Chất lượng cơ sở, chương trình, phương pháp đào tạo chưa gắn với thực tiễn và xu thế phát triển xã hội; chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, đổi mới chậm; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện giảm sút, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngoài ra, việc dự báo nhu cầu lao động và định hướng ngành, lĩnh vực đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chưa theo sát thực tế.

Mặc dù, còn những hạn chế nhất định, nhưng việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm đã có tác dụng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần đưa tỉnh Phú Yên ngày càng phát triển bền vững.

4. Một số giải pháp mang tính định hướng thực hiện tốt quan hệ phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên

Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được cũng như hạn chế về mối quan hệ giữa quan hệ phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở Phú Yên, chúng tôi kiến nghị một số giải pháp sau:

Thứ nhất, quát triết, nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc việc thực hiện phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên trong từng bước, từng chiến lược, từng chính sách phát triển kinh tế xã hội nói chung trong Đảng bộ, chính quyền và các cơ quan ban ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân của tỉnh Phú Yên. Từ đó tạo nên sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị của Tỉnh, hướng đến mục tiêu phát triển vì con người.

Thứ hai, đẩy mạnh việc xây dựng, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm. Cần xác định những vấn đề nào cần tập trung giải quyết trước, đáp ứng các mục tiêu cấp thiết của xã hội. Các chính sách, chương trình xã hội cần được cụ thể hóa riêng biệt cho phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn và các vấn đề xã hội cụ thể trong từng thời điểm nhất định. Đảng bộ, chính quyền Phú Yên tiếp tục hoàn thiện quản lý theo hướng giảm nhẹ bộ máy hành chính, tăng cường phân công, phân cấp quản lý một cách rõ ràng, hợp lý, nâng cao tính chủ động, thẩm quyền và trách nhiệm của quận, huyện nhằm phát huy tối đa sức sáng tạo của các tổ chức trong quản lý, điều hành và thực hiện các chính sách, chương trình.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng toàn diện. Đối với hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận, huyện. Nâng cao trình độ học vấn,

trình độ tay nghề, tính kỷ luật, phẩm chất đạo đức của người lao động, trước hết tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp có nhiều lao động của Tỉnh. Đồng thời, tỉnh Phú Yên tập trung đào tạo kỹ năng, chuyên môn dựa trên nhu cầu thực tế của mỗi địa phương khác nhau trên địa bàn Tỉnh thông qua các hình thức tự đào tạo, tăng cường liên kết các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo dựa trên nhu cầu. Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo lao động có trình độ phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó, tập trung nguồn nhân lực cho những ngành vốn là tiềm năng thế mạnh của Tỉnh.

Thứ tư, phát huy hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình phát triển Tỉnh, cần phải tiếp tục tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa khu vực kinh tế tư nhân với khu vực kinh tế nhà nước theo nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Hỗ trợ khu vực tư nhân bằng các chính sách thiết thực, sát với nhu cầu thực tiễn. Thiết lập những gói hỗ trợ tổng thể, đồng bộ về thuế, đất đai, tư vấn về công nghệ, trình độ quản lý, đào tạo nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp. Áp dụng các hình thức vay linh hoạt để doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay không thế chấp tài sản hoặc có thể cho phép họ sử dụng khoản thế chấp linh hoạt hơn. Nhưng trước mắt, tỉnh Phú Yên cần điều chỉnh tiền thuê đất, có chính sách giảm thuế, ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp gắn với công nghệ.

Kết luận

Nền kinh tế Việt Nam đã được lựa chọn là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Vì vậy, phát triển Việt

Nam nói chung, tỉnh Phú Yên nói riêng đặt mục tiêu để phấn đấu là phải phát triển kinh tế vì con người, vì sự công bằng, phát triển kinh tế gắn với xóa đói giảm nghèo. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Yên: "Thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội để tỉnh Phú Yên phát triển nhanh và bền vững, tạo nền tảng vững chắc đưa tỉnh Phú Yên cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp vào năm 2030, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao"⁽¹³⁾. Trong thời gian qua đổi mới, phát huy tính năng động, sáng tạo, tỉnh Phú Yên đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, về cơ bản, thực hiện phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm chưa bền vững. Với những giải pháp được đưa ra, chúng tôi mong muốn góp phần tìm ra hướng đi đúng đắn trong việc thực hiện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở tỉnh Phú Yên bền vững, vị thế của tỉnh Phú Yên trong khu vực được nâng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Phú Yên (2018), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên 2017*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Đảng bộ tỉnh Phú Yên (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XV*, Phú Yên: Lưu hành nội bộ.
3. Đảng bộ tỉnh Phú Yên (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XV*, Phú Yên: Lưu hành nội bộ.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011),

Văn Kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn Kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội, Văn phòng Trung ương Đảng.

6. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Số: 122/2008/QĐ-TTg, ngày 31/5, Hà Nội: Lưu hành nội bộ.

7. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2015), *Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, kèm theo Nghị quyết số 163/2015/NQ-HĐND.

8. Sở Lao động - Thương binh - Xã hội tỉnh Phú Yên (2017), *Báo cáo Tổng kết kết quả thực hiện năm 2017 và nhiệm vụ, kế hoạch năm 2018 về công tác lao động, người có công và xã hội*, Phú Yên: Lưu hành nội bộ.

9. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2015), *Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, kèm theo Nghị quyết số 163/2015/NQ-HĐND.

⁽¹³⁾ Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Số: 122/2008/QĐ-TTg, ngày 31/5, Hà Nội: Lưu hành nội bộ.